

**THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 1/2018**  
**(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)**

| STT       | HỌ TÊN           |       | ĐƠN VỊ  | Tổng thu nhập chịu thuế/Quý | Các khoản giảm trừ/ Quý |                 |                       | Thu nhập tính thuế/quý | Số thuế phải nộp/quý | Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2018 | Số thuế chênh lệch |                | Ký Nộp |
|-----------|------------------|-------|---------|-----------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------|--------|
|           |                  |       |         |                             | Bản thân                | Người phụ thuộc | Trừ bảo hiểm bắt buộc |                        |                      |                                       | Phải nộp thêm      | Được thoái trả |        |
| 1         | Vương Hội        | Khánh | P.TS-ĐT | 39.217.240                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.089.270             | 327.970                | 16.398               |                                       | 16.398             |                |        |
| 2         | Huỳnh Thị Minh   | Ly    | P.TS-ĐT | 41.992.840                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.253.070             | 2.939.770              | 146.988              |                                       | 146.988            |                |        |
| 3         | Huỳnh Thị        | Mai   | P.TS-ĐT | 43.571.620                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.363.635             | 4.407.985              | 220.398              |                                       | 220.398            |                |        |
| 4         | Nguyễn Thị Thanh | Thảo  | P.TS-ĐT | 46.290.860                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.584.765             | 6.906.095              | 345.306              |                                       | 345.306            |                |        |
| 5         | Võ Thị Xuân      | Thơ   | P.TS-ĐT | 48.610.860                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.633.905             | 9.176.955              | 458.847              |                                       | 458.847            |                |        |
| 6         | Nguyễn Thị       | Thùy  | P. TSĐT | 42.219.640                  | 27.000.000              | 10.800.000      | 1.334.970             | 3.084.670              | 154.233              |                                       | 154.233            |                |        |
| 7         | Nguyễn Việt      | Tiến  | P.TS-ĐT | 31.838.300                  | 27.000.000              | -               | 859.950               | 3.978.350              | 198.918              |                                       | 198.918            |                |        |
| TỔNG CỘNG |                  |       |         |                             |                         |                 |                       | 30.821.795             | 1.541.088            | -                                     | 1.541.088          | -              |        |

**Tổng công thuế phải nộp thêm:**      **1.541.088 đồng**

Bằng chữ:      Một triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm tám mươi tám đồng chẵn.

**NGƯỜI LẬP BẢNG**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Ngày 10 tháng 05 năm 2018  
**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Minh Thùy**

**Nguyễn Kính**

**Phạm Hữu Lộc**